

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUAN HÓA
TỈNH THANH HÓA**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 28 /2020/HS-ST

Ngày: 16 - 9 - 2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUAN HÓA, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lữ Thị Mai

Các Hội thẩm nhân dân: - ông Hà Hữu Dược

- bà Phạm Thị Lan

- Thư ký phiên tòa: ông Nguyễn Trọng Tiến – Thư ký Tòa án nhân dân
huyện Quan Hóa

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hóa
tham gia phiên tòa:** bà Phạm Thị Dụ - Kiểm sát viên.

Vào ngày 16 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quan Hóa
xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 28/2020/TLST-HS ngày 24
tháng 8 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2020/QĐXXST-HS ngày
03 tháng 9 năm 2020 đối với bị cáo:

Phạm Đức C- Sinh năm 1972, tại xã Đ, TP T, Nơi ĐKKHKT bản C , xã ,
huyện Q, tỉnh Thanh hóa.

Nghề nghiệp: Lái xe; Trình độ văn hoá: 10/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính:
Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam;

Con ông Phạm Hoàng N(Đã chết) và bà Trần Thị M - sinh năm 1948, hiện
đang trú tại thôn T, xã Đ TP T.

Hiện đang sống chung như vợ chồng với chị Hà Thị S, sinh năm 1985 – nghề
nghiệp: Giáo viên. Hiện đang trú tại bản C xã H, huyện Q, Thanh Hóa; có 02
con. Tiền án: Không; Tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 18/3/2020. Hiện bị cáo đang bị tạm
giam tại Buồng tạm giam Công an huyện Quan hóa, tỉnh Thanh hóa (Có mặt).

Người có QLNV liên quan: Phạm Duy N – sinh năm 1976. Địa chỉ: Bản B,
xã HC, huyện Q, Thanh Hóa. Vắng mặt có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ

án được tóm tắt như sau:

Hồi 04h 50 phút ngày 18/3/2020 Tổ cảnh sát giao thông, Cảnh sát hình sự Công an huyện Q và Công an Thị trấn H, huyện Q tiến hành tuần tra kiểm soát tại khu vực Thị trấn H huyện Q. Đến khu vực KM 02+500 quốc lộ 15C thuộc địa phận khu K, thị trấn H thì phát hiện một chiếc xe ô tô đang đỗ ở ven đường theo hướng từ huyện M về huyện Q. Tổ công tác tiến hành kiểm tra hành chính giao thông, phát hiện trên xe ô tô có một người nam giới đang ngồi ở ghế lái. Người nam giới khai tên là: Phạm Đức C. Sinh năm: 1972. Trú tại: Bản C, xã H, huyện Quan Hóa.

Quá trình kiểm tra tổ công tác phát hiện tại khoang hành khách gần cửa lên xuống của xe ô tô có: 02 (hai) túi nilon bên ngoài có nhiều họa tiết dạng hình tròn có nhiều màu sắc miệng túi có rãnh khóa. 01 (một) bao tải màu trắng bên ngoài có chữ 553WDF. Tổ công tác yêu cầu C lần lượt mở các túi và bao tải ra để kiểm tra bên trong có nhiều quả màu xanh lục hình bầu dục có kích thước to, nhỏ khác nhau. Phạm Đức C khai nhận đó là quả thuốc phiện của C mua với một người Mông không quen biết tại dốc S, xã H, huyện Q với giá: 400.000đ (bốn trăm nghìn đồng)/01 kg sau đó C đem về bán cho người tên Ng ở bản C, xã Ph, huyện Q bán lại với giá: 500.000đ (năm trăm nghìn đồng)/ 01 kg để kiếm lời. Tổ công tác đã đưa đối tượng, tang vật, xe ô tô về trụ sở Công an thị trấn H, huyện Q để lập biên bản phạm tội quả tang.

Tại bản kết luận giám định số: 1027/PC09 ngày 23/3/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa kết luận:

- Các quả hình bầu dục màu xanh lục, kích thước to nhỏ khác nhau của hộp giấy cát tông kí hiệu M1 gửi giám định là quả Thuốc phiện có tổng khối lượng (trọng lượng) là: **20,5kg** (hai không phẩy năm kilogam).

- Các quả hình bầu dục màu xanh lục, kích thước to nhỏ khác nhau của hộp giấy cát tông kí hiệu M2 gửi giám định là quả Thuốc phiện có tổng khối lượng (trọng lượng) là: **17,2kg** (một bảy phẩy hai kilogam).

- Các quả hình bầu dục màu xanh lục, kích thước to nhỏ khác nhau của hộp giấy cát tông kí hiệu M3 gửi giám định là quả Thuốc phiện có tổng khối lượng (trọng lượng) là: **10 kg** (một không kilogam).

Ngày 26/3/2020 Viện khoa học hình sự Bộ công an đã có văn bản trả lời số: 531/C09-TT2 xác định: Hiện tại chưa có căn cứ pháp lý để xác định là quả thuốc phiện tươi hay quả thuốc phiện khô.

Quá trình điều tra Phạm Đức C đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như sau:

Khoảng 03h sáng ngày 18/3/2020 Cường điều khiển xe ô tô biển kiểm soát 29B-30448 từ nhà ở bản Chiềng H, xã H, huyện Q, lên khu vực dốc S thuộc bản S xã H tìm mua quả thuốc phiện về để bán kiếm lời, tại khu vực dốc san C đã gặp một người đàn ông người Mông không rõ tên tuổi và mua với người này ba túi (hai túi ni lông có rãnh khóa và một bao bì tải) bên trong đều chứa quả thuốc phiện, C mua với giá 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng). Sau khi mua xong C cất túi và bao tải có chứa quả thuốc phiện lên xe ô tô của mình (ở khoang hành khách gần cửa lên xuống) và nổ máy xe đi theo hướng từ huyện M về huyện Q. Do trời mưa nên khi đi đến khu K, thuộc thị trấn H, huyện Q thì Cường dừng xe ô tô lại để nghỉ và gọi điện thoại cho một người phụ nữ tên Ng đến để bán ma túy (quả thuốc phiện) nhưng không liên lạc được. Trong thời gian dừng xe nghỉ thì C bị lực lượng Công an bắt quả tang thu giữ toàn bộ tang vật chứng như đã nêu ở trên.

Về vật chứng, tài sản trong vụ án: Quá trình điều tra đối với chiếc xe ô tô bị can C dùng đi chở quả thuốc phiện được xác định: Xe ô tô nhãn hiệu FORD TRANSIT biển kiểm soát 29-30448, số khung RL3MLTGMM7PR24521, số máy SWFA24521, có giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô tên là: Lâm Quang Tr. Ngày 07/12/2019 Phạm Đức C nhờ anh Lê Gia T, sinh năm: 1982. Trú tại: thôn T, xã H, huyện N, tỉnh Thanh Hóa đi cùng mua chiếc xe ô tô nêu trên với anh Phạm Văn T, thường trú tại xã N huyện Ng, tỉnh N, xe chưa làm thủ tục sang tên, đổi chủ. Quá trình mua xe do thiếu tiền nên Phạm Đức C đã vay của anh T số tiền là 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng), đồng thời C tự nguyện giao lại đăng ký xe cho anh T cất giữ; Ngày 05/02/2020 do cần tiền để trả nợ nên C đã bán chiếc xe ô tô nêu trên cho anh Phạm Duy N, sinh năm 1976 thường trú tại bản B, xã H, huyện Q với giá 150.000.000đ (một trăm năm mươi triệu đồng), có giấy tờ mua bán có chứng thực của Ủy ban nhân dân xã H, huyện Q, xe chưa làm thủ tục sang tên đổi chủ. Sau khi mua xe ô tô anh Phạm Duy N tiếp tục thuê C đi chở khách và trả tiền công theo chuyến. Việc C dùng xe ô tô chở quả thuốc phiện đem đi bán anh N không biết, không tham gia nên Cơ quan điều tra đã trả lại chiếc xe ô tô cho chủ sở hữu hợp pháp là anh Phạm Duy N. Anh Lê Gia T trong quá trình điều tra, truy tố đã nhất trí, không có ý kiến gì về việc Cơ quan điều tra trả lại xe ô tô cho Phạm Duy N.

Đối với các vật đã thu giữ của Phạm Đức C gồm: 01 (một) giấy phép lái xe mô tô hạng A2 và 01 (một) căn cước công dân mang tên Phạm Đức C; 01 (một) túi da màu nâu cũ đã qua sử dụng; Số tiền 3.500.000đ (ba triệu năm trăm nghìn đồng) gồm

nhieu các tờ tiền polime có mệnh giá khác nhau, tiền do ngân hàng nhà nước Việt nam phát hành; 01(một) điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 6 màu trắng loại cảm ứng máy cũ đã qua sử dụng không kiểm tra chất lượng bên trong. Tất cả các vật thu giữ nêu trên xác định không liên quan đến hành vi phạm tội của bị can C nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Quan Hóa đã trả cho chị Hà Thị S theo giấy ủy quyền của Phạm Đức C.

Về vật chứng của vụ án:

- Một bao bì do phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa dán kín, niêm phong bởi các chữ ký ghi rõ họ tên và các hình dấu của phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa. Bên trong là toàn bộ mẫu vật sau giám định theo biên bản giao nhận lại đối tượng giám định vào ngày 23/3/2020 tại Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa.

- 01 (một) chiếc điện thoại nhãn hiệu VIETTEL màu đen loại bấm bàn phím, máy cũ đã qua sử dụng.

Tại bản Cáo trạng số 32/CT-VKS- QH ngày 20 tháng 8 năm 2020, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Quan Hóa truy tố bị cáo Phạm Đức C về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại khoản 1 Điều 251 BLHS 2015.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện Kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố: Bị cáo Phạm Đức C phạm tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”

Áp dụng: khoản 1, khoản 5 điều 251; điểm s khoản 1 điều 51; điều 38 BLHS 2015.

Xử phạt bị cáo Phạm Đức C từ 05 năm 06 tháng đến 06 năm 06 tháng tù; thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam 18/3/2020. Áp dụng hình phạt bổ sung, phạt tiền từ 5.000.000đ đến 8.000.000đ đối với bị cáo. Ngoài ra vị đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị xử lý vật chứng và án phí.

Bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như bản Cáo trạng đã truy tố; trong phần tranh luận bị cáo không có ý kiến gì. Trong lời nói sau cùng, bị cáo đã thể hiện thái độ ăn năn hối cải, mong HĐXX xem xét cho bị cáo được hưởng một mức án nhẹ để bị cáo có cơ hội cải tạo, tu dưỡng thành người công dân có ích cho xã hội

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Xét tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng:* Cơ quan Điều tra, Viện Kiểm sát, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực

hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến gì. Do đó, các quyết định, hành vi tố tụng trong giai đoạn điều tra, truy tố của Cơ quan điều tra, Viện Kiểm sát, Điều tra viên, Kiểm sát viên đều hợp pháp.

[2] *Xét hành vi phạm tội của bị cáo:* Tại phiên tòa, bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như bản Cáo trạng đã truy tố; lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của những người làm chứng, Biên bản phạm tội quả tang; Kết luận giám định và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Bị cáo đã có hành vi mua ma túy ở dốc S xã H mục đích mang đến Thị trấn H bán cho người phụ nữ tên Ng.

[3] *Về hậu quả của hành vi phạm tội:* Bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự số ma túy thu giữ được trong quá trình bắt quả tang là : 47,7kg (bốn mươi bảy phẩy bảy kilôgam) quả thuốc phiện. Do đó, hành vi của bị cáo đã phạm vào tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” theo quy định tại khoản 1 Điều 251 Bộ luật hình sự 2015.

[4] *Xét tính chất, mức độ của hành vi phạm tội:* Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội; xâm phạm trực tiếp đến chế độ độc quyền quản lý chất ma túy của Nhà nước; làm ảnh hưởng đến trật tự, trị an tại địa phương. Bị cáo ý thức được hậu quả của ma túy đối với sức khỏe và đời sống xã hội cũng như sự ngăn cấm của pháp luật bị cáo vẫn cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Do đó, hành vi của bị cáo phải bị xử lý nghiêm để đảm bảo răn đe, giáo dục, phòng ngừa chung.

[5] *Xét nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo:* Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, bị cáo luôn có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. bị cáo chưa có tiền án, tiền sự. Do đó, cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s, khoản 1 Điều 51 BLHS để bị cáo thấy rõ sự khoan hồng của pháp luật.

[6] *Về hình phạt :* Từ những căn cứ nêu trên, cần áp dụng quy định tại khoản 1, Điều 251, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 BLHS 2015; xử phạt bị cáo một mức án tương xứng với tính chất và mức độ hành vi phạm tội của bị cáo; cần thiết cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đủ sức răn đe, để bị cáo tích cực cải tạo, rèn luyện trở thành công dân có ích cho xã hội.

[7] *Về xử lý vật chứng:*

+ 01 bao bì do Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh hóa dán kín đã được niêm phong bên trong chứa mẫu vật còn lại sau giám định. Là vật thuộc loại Nhà nước cấm tàng trữ.

+ 01 (một) chiếc điện thoại nhãn hiệu VIETTEL màu đen loại bấm bàn phím, máy cũ đã qua sử dụng. Bị cáo dùng để liên lạc với người phụ nữ tên Ng để bán ma túy.

Do đó, cần áp dụng quy định tại điểm c, khoản 1 Điều 47 BLHS 2015; điểm a, điểm c khoản 2 Điều 106 BLTTHS 2015 tuyên tịch thu tiêu hủy.

[8] *Về hình phạt bổ sung*: Mục đích của bị cáo mua ma túy để bán kiếm lời bất chính, áp dụng khoản 5 điều 251BLHS, phạt bị cáo Phạm Đức C số tiền 5.000.000đ (Năm triệu đồng).

[9] Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1, khoản 5 điều 251; điểm s khoản 1 điều 51; điều 38 BLHS 2015;

Căn cứ vào điểm a, điểm b, điểm c khoản 1 Điều 47 BLHS 2015; điểm a, điểm b khoản 2 Điều 106 BLTTHS 2015;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 135, Điều 331, 333 BLTTHS; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

1. *Tuyên*: Bị cáo **Phạm Đức C** phạm tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”;

2. *Xử phạt*: Bị cáo **Phạm Đức C 06(Sáu)** năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 18 /3/2020

3. *Về xử lý vật chứng*:

+ Tuyên tịch thu tiêu hủy : 01 bao bì do Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh hóa dán kín đã được niêm phong lại bên trong chứa mẫu vật còn lại sau giám định; 01 điện thoại nhãn hiệu VIETTEL màu đen loại bấm bàn phím,

Đặc điểm vật chứng thể hiện tại Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản lập ngày 21/8 /2020 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện Quan Hóa và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quan Hóa

Phạt bị cáo Phạm Đức C số tiền 5.000.000đ (Năm triệu đồng)

4. *Về án phí*: Bị cáo Phạm Đức C phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm

5. *Về quyền kháng cáo*:Án xử sơ thẩm công khai, có mặt bị cáo, vắng mặt người có QLNV liên quan. Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm ngày) kể từ ngày tuyên án.người có QLNV liên quan có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án./.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Người có QLNV liên quan;
- VKSND huyện Quan Hóa;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Sở Tư pháp tỉnh Thanh Hóa;
- Cơ quan THADS huyện Quan Hóa;
- Cơ quan CSĐT- CA huyện Quan Hóa;
- Cơ quan THAHS- CA huyện Quan Hóa;
- Trại tạm giam- CA tỉnh Thanh Hóa;
- Lưu HSVA

Lữ Thị Mai